

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST
Ngày 25 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn CH và Ông Phan Hải Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Q Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Thị Thu C; giới tính: Nữ; sinh ngày 29 tháng 3 năm 2001 tại huyện V, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; Q tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Lê Văn H, sinh năm 1971 và bà Ngô Thị Thùy L, sinh năm 1974; chồng con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Ba Đồn từ ngày 22/4/2022 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người được bị hại ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bà Ngô Thị Thùy L, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Yên Ph, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 77 H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Lê Minh Q, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 41/2 H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Có mối quan hệ họ hàng, ngày 07/4/2022 ông Lê Minh Q vào thăm chơi và ở lại nhà bố mẹ của Lê Thị Thu C tại thôn T, xã V, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng Trị. Tại đây, ông Q có đưa máy điện thoại di động của mình cho C để nhờ C lưu hình ảnh trong ứng dụng Zalo về máy điện thoại. Sau khi nhận điện thoại, C tự tra cứu nhiều ứng dụng thì phát hiện trong điện thoại của ông Q có một số tin nhắn liên quan đến tiền nong và đối tác làm ăn... C nảy sinh việc tìm cách chiếm đoạt tiền để tiêu xài và chơi game, cụ thể: C mở ứng dụng Facebook trong máy điện thoại của ông Q ra, ứng dụng Facebook đã được ông Q đăng nhập bằng tài khoản “Lê Minh Q” (có địa chỉ Gmail là Leminhquoc1962@gmail.com), rồi sử dụng tính năng “trình tạo mã” và lấy được mã gồm có 06 chữ số, sau đó C sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của C mở ứng dụng Facebook rồi đăng nhập bằng tài khoản Gmail đăng ký là “Leminhquoc1962@gmail.com” rồi nhập mã là 06 chữ số đã lấy được từ ứng dụng Facebook trên máy điện thoại của ông Q (không cần mật khẩu đăng nhập) và kết quả đăng nhập thành công vào tài khoản Facebook “Lê Minh Q”, C duy trì việc đăng nhập bằng tài khoản “Lê Minh Q” trên máy điện thoại di động của C cho đến ngày 17/4/2022. Quá trình đăng nhập tài khoản Facebook “Lê Minh Q”, thông qua ứng dụng Messenger của tài khoản trên thì C phát hiện giữa tài khoản “Lê Minh Q” và tài khoản tên “Huong Sy” (là tài khoản Facebook của bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/10/1963, trú tại Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B) có nội dung tin nhắn qua lại liên quan đến việc làm ăn giữa hai người, đồng thời thấy có nhiều lần bà H chuyển tiền cho ông Q và nội dung bà H hứa đến ngày 17/4/2022 sẽ chuyển tiếp tiền cho ông Q nên C nảy sinh ý định sẽ giả danh là ông Q để nhắn tin cho bà H yêu cầu bà H chuyển tiền nhằm chiếm đoạt. Vào khoảng 23 giờ 11 phút ngày 16/4/2022, C đã thông qua ứng dụng Messenger đăng nhập bằng tài khoản “Lê Minh Q” và soạn tin nhắn đến tài khoản tên “Huong Sy” của bà H với nội dung “Mai e chuyển vào số tài khoản này 50tr nữa nhé 1015175959 Lê Hà Yên Nhi ngân hàng Vietcombank”, ý là yêu cầu bà H chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào số tài khoản 1015175959 thuộc ngân hàng Vietcombank, chủ tài khoản tên Lê Hà Yên Nhi. Số tài khoản ngân hàng trên là của ứng dụng Game “GO MATH” cung cấp

cho người chơi để nạp tiền vào ứng dụng, C đang chơi loại game trên. Bà Nguyễn Thị H sau khi nhận được tin nhắn qua ứng dụng Messenger từ tài khoản Facebook “Lê Minh Q” với nội dung như trên thì hoàn toàn tin tưởng, không nghi ngờ gì. Vì bà H và ông Q có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Thời gian gần đây giữa bà H và ông Q lại giao dịch làm ăn với nhau nên đã thống nhất bà H sẽ chuyển cho ông Q tổng số tiền 1.500.000.000 đồng, bà H đã chuyển trước 1.000.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng. Vì vậy, sau khi nhận được tin nhắn từ tài khoản Facebook của ông Q thì bà H biết rõ nội dung tin nhắn là yêu cầu chuyển số tiền 50.000.000 đồng nhưng nghĩ là ông Q nhắn tin yêu cầu chuyển số tiền 500.000.000 đồng nên đến sáng ngày 17/4/2022 bà H đã nhờ em dâu là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1972, trú tại tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình chuyển giúp số tiền 500.000.000 đồng đến cho ông Q theo số tài khoản 1015175959 (Số tiền 500.000.000 đồng trên là tiền của bà H gửi tại bà H1). Bà H1 đồng ý và đã thông qua ứng dụng Smart Banking đăng nhập bằng tài khoản thuộc ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) số: 53210000164055 (bà H1 là chủ tài khoản) và chuyển vào tài khoản số 1015175959 số tiền 500.000.000 đồng. Cụ thể bà H1 đã chuyển tiền vào số tài khoản này hai lần và đều thành công, một lần chuyển số tiền 300.000.000 đồng và một lần chuyển số tiền 200.000.000 đồng. Chị H chụp ảnh các giao dịch chuyển tiền thành công như trên và gửi đến tài khoản Facebook “Lê Minh Q”. Đến ngày 19/4/2022, bà H điện thoại cho ông Q để xác nhận thì ông Q cho biết là không nhắn tin bảo bà H chuyển tiền và tài khoản Facebook của ông Q đã bị người khác chiếm đoạt để sử dụng, tới nay ông Q không nhận được khoản tiền nào từ bà H1 và bà H. Nên bà H đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an thị xã Ba Đồn để điều tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã tạm giữ từ Lê Thị Thu C số tiền 500.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 vỏ màu trắng, số IMEI: 353967100132235, số IMEI 2: 353967100116519 bên trong có gắn thẻ sim số 0904580706, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã xác định số tiền 500.000.000 đồng là tài sản của bà Nguyễn Thị H nên đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu.

Về dân sự: bà Nguyễn Thị H bị đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Lê Thị Thu C bồi thường thiệt hại, cam đoan không khiếu nại gì về sau và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 tham gia tố tụng.

Tại phiên Tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Sơn T và chị Nguyễn Thị Yên Ph; người làm chứng ông Lê Minh Q, dù họ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, xét vắng mặt họ không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

Tại Cáo trạng số 47/CT - VKSBD ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu C, về tội “Lừa đảo Cầm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bị cáo Lê Thị Thu C phạm tội “Lừa đảo Cắm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 25 (hai mươi lăm) đến 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 50 (năm mươi) đến 60 (sáu mươi) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 vỏ màu trắng, số IMEI: 353967100132235, số IMEI 2: 353967100116519 bên trong có gắn thẻ sim số 0904580706, đã qua sử dụng là công cụ bị cáo C dùng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Tuyên bị cáo phải chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Lê Thị Thu C nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với toàn bộ nội dung Cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tại Cơ quan điều tra, tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, cải tạo, giáo dục tại địa pH.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại bà Nguyễn Thị H1 có mặt, đề nghị Hội đồng xét xử: về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa pH; về trách nhiệm dân sự, không có yêu cầu, đề nghị gì đối với bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 và bà Ngô Thị Thùy L có mặt không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về vấn đề dân sự đối với bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, nội dung Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: ngày 07/4/2022, qua việc ông Lê Minh Q nhờ bị cáo lưu giữ hình ảnh trong ứng dụng Zalo về máy điện thoại. Quá trình tra cứu điện thoại của ông Q, bị cáo phát hiện trong máy ông Q có một số tin nhắn liên quan đến tiền nong và đối tác làm ăn nên bị cáo nảy sinh ý định Cắm đoạt. Bị cáo dùng thủ đoạn mở ứng dụng Facebook từ máy ông Q, lấy thông tin từ ứng dụng này, sau đó dùng điện thoại di động của bị cáo mở ứng dụng Facebook của ông Q để thực hiện hành vi gian dối, mục đích chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; trú tại tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, bằng việc yêu cầu bà H chuyển số tiền trên đến tài khoản ngân hàng của ứng dụng Game “Go MATH” mà bị cáo đăng ký và được cấp tài khoản Game. Bà Nguyễn Thị H do tin tưởng tin nhắn Facebook có tài khoản “Lê Minh Q” mà C đã gửi tin là của ông Q nên đã chuyển số tiền 50.000.000 đồng theo yêu cầu của bị cáo C đến tài khoản C yêu cầu, đồng thời còn chuyển 450.000.000 đồng đến tài khoản này, tuy nhiên số tiền 450.000.000 đồng là bà H tự chuyển, không phải do bị cáo C yêu cầu.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị Thu C đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo Cắm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện thấy: bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xét xử bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động đến gia đình để sửa chữa, bồi thường thiệt hại; trước khi mở phiên tòa, bị hại có Đơn xin giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, chịu một thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời đảm bảo mục đích, tác dụng của hình phạt. Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng hình tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Do bị cáo đang bị tạm giam và ngoài ra không có căn cứ bị cáo đang bị điều tra, truy tố, xét xử trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 299 và khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Thị Thu C.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 1000.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành án; cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa để miễn chấp hành hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã tạm giữ từ Lê Thị Thu C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 vỏ màu trắng, số IMEI: 353967100132235, số IMEI 2: 353967100116519 bên trong có gắn thẻ sim số 0904580706, đã qua sử dụng. Đây là Céc điện thoại mà bị cáo C dùng để trực tiếp nhắn tin lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H. Xác định là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị H, sau khi nhận lại tài sản bà H không yêu cầu bị cáo Lê Thị Thu C bồi thường gì. Bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H1 tham gia tố tụng và bà H1 cũng không có yêu cầu gì về phần trách nhiệm dân sự, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: bị cáo Lê Thị Thu C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Các vấn đề liên quan khác: Đối với một số tài khoản nhận tiền và chuyển tiền rút về trên ứng dụng GO MATH gồm: số tài khoản 1015175959 mang tên Lê Hà Yên Nh, sinh năm 1982, trú tại Tổ 5, Khu 9, phường N, Thành phố V, tỉnh Phú Thọ, mở tại ngân hàng Vietcombank, quá trình xác minh xác định không có ai tên Lê Hà Yên Nh sinh sống trên địa bàn. Số tài khoản 16596197 mang tên Nguyễn Sơn T, sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội, mở tại ngân hàng ACB và số tài khoản 1018912969 mang tên Nguyễn Thị Yên Ph, sinh năm 1981, trú tại số 77 H, phường R, TP. V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mở tại ngân hàng SHB. Quá trình xác minh xác định anh T và chị Ph không biết và chưa từng sử dụng các tài khoản này nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 299; khoản 4 Điều 328; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu C 27 (hai mươi bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (năm mươi bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/11/2022).

3. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Thị Thu C đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, theo Quyết định trả tự do cho bị cáo của Hội đồng xét xử.

Giao bị cáo Lê Thị Thu C cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 11 vỏ màu trắng, số IMEI: 353967100132235, số IMEI 2: 353967100116519 bên trong có gắn thẻ sim số 0904580706, đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn và C cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn.

6. Về án phí: Xử buộc bị cáo Lê Thị Thu C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/11/2022. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Ba Đồn;
- C cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh L,
tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Anh Đức

